

Số: 2217 /BC-CT

Quảng Nam, ngày 16 tháng 6 năm 2016.

## BÁO CÁO

**Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất  
kinh doanh năm 2015 và ba năm từ năm 2012 đến năm 2014  
(Năm báo cáo 2015)**

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam là doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu hoạt động cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích, nhiệm vụ chính là quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Công ty hoạt động theo Điều lệ số 725/QĐ-UBND được UBND tỉnh phê duyệt ngày 26/02/2010.

Thực hiện theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Công ty báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và ba năm gần nhất với các nội dung:

### **1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm (2012-2014).**

#### *a. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:*

Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất hằng năm, kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp từ năm 2012-2014 đạt loại A.

Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân nhà nước, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích từ 2012-2014 và thực hiện năm 2015 được thể hiện ở Biểu số 1 kèm theo.

#### *b. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất:*

Các dự án trọng điểm được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách (vốn khấu hao cơ bản tài sản cố định tái đầu tư) các năm qua do Công ty làm chủ đầu tư đều thực hiện đúng kế hoạch đề ra, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

#### *c. Những thay đổi chủ yếu:*

- Diện tích tưới nước, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 1,00%/năm.
- Sản lượng cấp nước phục vụ dân sinh và các ngành kinh tế khác tăng bình quân 1,17%/năm.
- Mức tăng tiền lương bình quân của người lao động từ 5% đến 7%/năm.

*d. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất của doanh nghiệp:*

- Thuận lợi: Luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của UBND tỉnh và các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc Công ty cùng tập thể CBCNV, người lao động nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Khó khăn: Tình hình biến động của thời tiết như hạn hán, bão lũ đã làm cho đơn vị gặp nhiều khó khăn trong sản xuất. Giá cả biến động gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, doanh thu hằng năm không đủ bù đắp chi phí cần thiết cho sản xuất.

*đ. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:*

Nhiệm vụ sản xuất của Công ty gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn của tỉnh; phấn đấu trong những năm đến đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước ngọt để phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước phục vụ dân sinh và các ngành kinh tế khác góp phần đảm bảo an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận.

Tiếp tục nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp, công nghệ tiên tiến về cấp nước, tiêu thoát nước, quy trình quản lý, vận hành các hệ thống công trình thủy lợi nhằm khai thác sử dụng nước hợp lý, phục vụ đa mục tiêu; khai thác sử dụng đi đôi với bảo vệ, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; chú ý đến bảo vệ môi trường nước trong việc cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ dân sinh và các hoạt động sản xuất khác.

## **2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất và đầu tư phát triển năm 2015.**

*a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:*

Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm 2015, kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp đạt loại A (số liệu tại Biểu số 1 kèm theo).

## **3. Tình hình đầu tư tại các công ty con: Không**

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2015 và ba gần nhất, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam kính báo cáo Bộ Kế hoạch & Đầu tư và UBND tỉnh Quảng Nam.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- HĐTV, GD, PGD Công ty;
- Kiểm soát viên Công ty;
- Công bố tại website Công ty;
- Các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Đình Niên**

**BIỂU SỐ 1**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA DOANH NGHIỆP**



| Số<br>T.T | Chỉ tiêu                            | Đơn<br>vị tính       | Thực hiện<br>năm 2012 | Thực hiện<br>năm 2013 | Thực hiện<br>năm 2014 | Thực hiện<br>năm 2015 |
|-----------|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1         | Sản phẩm chủ yếu sản xuất           |                      |                       |                       |                       |                       |
| a)        | Diện tích cấp nước                  | Ha                   | 49.618,55             | 49.342,69             | 49.848,09             | 49.976,17             |
| b)        | Cấp nước cho các ngành kinh tế khác | Triệu m <sup>3</sup> | 6,003                 | 6,580                 | 7,187                 | 9,622                 |
| 2         | Tổng doanh thu                      | Tỷ đồng              | 45,154                | 52,550                | 53,580                | 56,595                |
| 3         | Lợi nhuận trước thuế                | Tỷ đồng              | 0,440                 | 0,561                 | 0,589                 | 0,619                 |
| 4         | Nộp ngân sách                       | Tỷ đồng              | 0,981                 | 0,641                 | 0,804                 | 2,352                 |
| 5         | Kim ngạch xuất khẩu                 | 1000 USD             |                       |                       |                       |                       |
| 6         | Sản phẩm dịch vụ công ích           | Ha                   | 49.618,55             | 49.342,69             | 49.848,09             | 49.976,17             |
| 7         | Kế hoạch đầu tư phát triển          | Tỷ đồng              | 16,651                | 2,174                 | 5,772                 | 2,324                 |
| a)        | Nguồn ngân sách                     | Tỷ đồng              | 16,651                | 2,174                 | 5,772                 | 2,324                 |
| b)        | Vốn vay                             | Tỷ đồng              |                       |                       |                       |                       |
| c)        | Vốn khác                            | Tỷ đồng              |                       |                       |                       |                       |
| 8         | Tổng lao động (TTSDBQ)              | Người                | 371                   | 397                   | 408                   | 410                   |
| 9         | Tổng quỹ lương                      | Tỷ đồng              | 18,362                | 20,940                | 23,779                | 24,904                |
| a)        | Quỹ lương quản lý                   | Tỷ đồng              | 0,659                 | 1,003                 | 1,503                 | 1,590                 |
| b)        | Quỹ lương lao động                  | Tỷ đồng              | 17,703                | 19,937                | 22,276                | 23,314                |